

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH H1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

K, ngày 26 tháng 05 năm 2023

Số: 89A /2023/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 94/2023/DSST - HNGĐ ngày 10 tháng 04 năm 2023, giữa:

1/ Nguyên đơn: anh Cao Thành Đ, sinh năm 1994.
HKTT: trú tại: Thôn M, xã T, huyện K, tỉnh H1.

2/ Bị đơn: chị Mai Thị Thúy H, sinh năm: 1994.
HKTT: Thôn M, xã T, huyện K, tỉnh H1.
Quê quán, trú tại: thôn X, xã T1, huyện T2, tỉnh T3.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu Cao Quốc K1, sinh ngày 22/09/2020.

Người giám hộ cháu K1 là anh Cao Thành Đ và chị Mai Thị Thúy H, là bố mẹ đẻ của cháu.

Căn cứ Điều 51; 55; 57; 81; 82; 83;84 - Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 144; Điều 146; Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 05 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 05 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Cao Thành Đ và chị Mai Thị Thúy H.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ vợ chồng: anh Cao Thành Đ và chị Mai Thị Thúy H cùng thuận tình ly hôn nhau.

***/ Về con chung:** Giao cháu Cao Quốc K1, sinh ngày 22/09/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ ngày 26/05/2023 cho đến khi cháu K1 trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, cả hai bên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn anh Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, quyền được thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung, đất ruộng nông nghiệp và công sức đóng góp chung với hai bên gia đình: anh Đ và chị H cùng tự nguyện không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

2.4. Công nợ chung: anh Đ và chị H khẳng định vợ chồng anh chị không có công nợ chung.

2.5. Về án phí: anh Đ tự nguyện nhận nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh Đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0008208, ngày 10/04/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, anh Đ được hoàn trả số tiền 150.000 đồng

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh H1;
- VKSND huyện KC;
- THA huyện KC;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA;

THẨM PHÁN

Đào Duy Tr